

Số: 1232/NQ-UBTVQH15

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2023 - 2025**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2024/UBTVQH15 ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định một số nội dung liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phân loại đô thị và tiêu chuẩn của đơn vị hành chính để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 596/TTr-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân tối cao tại Tờ trình số 935/TTr-TANDTC ngày 11 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Tờ trình số 23/TTr-VKSTC ngày 14 tháng 10 năm 2024, Báo cáo tham gia thẩm tra số 4326/BC-UBTP15 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Tư pháp và Báo cáo thẩm tra số 3377/BC-UBPL15 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Pháp luật,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sắp xếp quận Hải An, huyện Thủy Nguyên và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc; thành lập thành phố Thủy Nguyên và các phường trực thuộc

1. Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên là 7,27 km² của phường Đông Hải 1, quận Hải An để nhập vào xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên. Sau khi điều chỉnh:

a) Quận Hải An có diện tích tự nhiên là 97,64 km² và quy mô dân số là 144.256 người; có 08 phường, gồm: Cát Bi, Đằng Hải, Đằng Lâm, Đông Hải 1, Đông Hải 2, Nam Hải, Thành Tô và Tràng Cát.

Phường Đông Hải 1, quận Hải An có diện tích tự nhiên là 2,62 km² và quy mô dân số là 25.503 người. Phường Đông Hải 1 giáp các phường Đằng Hải, Đằng Lâm, Đông Hải 2; quận Ngô Quyền và thành phố Thủy Nguyên;

b) Huyện Thủy Nguyên có diện tích tự nhiên là 269,10 km² và quy mô dân số là 397.570 người; xã Thủy Triều có diện tích tự nhiên là 18,99 km² và quy mô dân số là 13.901 người.

2. Thành lập thành phố Thủy Nguyên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 269,10 km² và quy mô dân số là 397.570 người của huyện Thủy Nguyên sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Thành phố Thủy Nguyên giáp các quận Hải An, Hồng Bàng, Ngô Quyền; tỉnh Hải Dương và tỉnh Quảng Ninh.

3. Sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Thủy Nguyên như sau:

a) Thành lập phường Minh Đức trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 16,12 km² và quy mô dân số là 13.539 người của thị trấn Minh Đức.

Phường Minh Đức giáp phường Phạm Ngũ Lão, phường Tam Hưng, xã Bạch Đằng và tỉnh Quảng Ninh;

b) Thành lập phường Hoa Động trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,02 km² và quy mô dân số là 13.102 người của xã Hoa Động.

Phường Hoa Động giáp các phường Dương Quan, Hoàng Lâm, Thiên Hương, Thủy Đường và quận Hồng Bàng;

c) Thành lập phường Thiên Hương trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,76 km² và quy mô dân số là 12.618 người của xã Thiên Hương.

Phường Thiên Hương giáp các phường Hoa Động, Hoàng Lâm, Lê Hồng Phong, Thủy Đường và Trần Hưng Đạo;

d) Thành lập phường Quảng Thanh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,72 km² và quy mô dân số là 11.110 người của xã Quảng Thanh.

Phường Quảng Thanh giáp xã Ninh Sơn và xã Quang Trung;

đ) Thành lập phường Hòa Bình trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,11 km² và quy mô dân số là 14.557 người của xã Hòa Bình.

Phường Hòa Bình giáp các phường An Lư, Lưu Kiếm, Thủy Đường, Thủy Hà, Trần Hưng Đạo và xã Bạch Đằng;

e) Thành lập phường An Lư trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,24 km² và quy mô dân số là 17.322 người của xã An Lư.

Phường An Lư giáp các phường Dương Quan, Hòa Bình, Thủy Đường và Thủy Hà;

g) Thành lập phường Phạm Ngũ Lão trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,44 km² và quy mô dân số là 14.306 người của xã Ngũ Lão.

Phường Phạm Ngũ Lão giáp các phường Lập Lễ, Minh Đức, Nam Triệu Giang, Tam Hưng, Thủy Hà và xã Bạch Đằng;

h) Thành lập phường Lập Lễ trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,92 km² và quy mô dân số là 14.623 người của xã Lập Lễ.

Phường Lập Lễ giáp các phường Nam Triệu Giang, Phạm Ngũ Lão, Thủy Hà và tỉnh Quảng Ninh;

i) Thành lập phường Tam Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,22 km² và quy mô dân số là 8.200 người của xã Tam Hưng.

Phường Tam Hưng giáp các phường Minh Đức, Nam Triệu Giang, Phạm Ngũ Lão và tỉnh Quảng Ninh.

k) Thành lập phường Dương Quan trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,61 km², quy mô dân số là 11.440 người của xã Tân Dương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,61 km², quy mô dân số là 11.047 người của xã Dương Quan. Sau khi thành lập, phường Dương Quan có diện tích tự nhiên là 12,22 km² và quy mô dân số là 22.487 người.

Phường Dương Quan giáp các phường An Lư, Hoa Động, Thủy Đường, Thủy Hà; quận Hồng Bàng và quận Ngô Quyền;

l) Thành lập phường Hoàng Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,20 km², quy mô dân số là 6.665 người của xã Lâm Động và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,68 km², quy mô dân số là 9.500 người của xã Hoàng Động. Sau khi thành lập, phường Hoàng Lâm có diện tích tự nhiên là 9,88 km² và quy mô dân số là 16.165 người.

Phường Hoàng Lâm giáp các phường Hoa Động, Lê Hồng Phong, Thiên Hương và quận Hồng Bàng;

m) Thành lập phường Lê Hồng Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,71 km², quy mô dân số là 13.482 người của xã Kiên Bái và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,28 km², quy mô dân số là 7.776 người của xã Mỹ Đồng. Sau khi thành lập, phường Lê Hồng Phong có diện tích tự nhiên là 7,99 km² và quy mô dân số là 21.258 người.

Phường Lê Hồng Phong giáp các phường Hoàng Lâm, Thiên Hương, Trần Hưng Đạo, xã Quang Trung và quận Hồng Bàng;

n) Thành lập phường Trần Hưng Đạo trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,71 km², quy mô dân số là 7.402 người của xã Đông Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,28 km², quy mô dân số là 11.909 người của xã Kênh Giang. Sau

khi thành lập, phường Trần Hưng Đạo có diện tích tự nhiên là 11,99 km² và quy mô dân số là 19.311 người.

Phường Trần Hưng Đạo giáp các phường Hòa Bình, Lê Hồng Phong, Lưu Kiếm, Thiên Hương, Thủy Đường, xã Liên Xuân và xã Quang Trung;

o) Thành lập phường Lưu Kiếm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,43 km², quy mô dân số là 3.108 người của xã Lưu Kỳ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,53 km², quy mô dân số là 13.346 người của xã Lưu Kiếm. Sau khi thành lập, phường Lưu Kiếm có diện tích tự nhiên là 14,96 km², quy mô dân số là 16.454 người.

Phường Lưu Kiếm giáp phường Hòa Bình, phường Trần Hưng Đạo, xã Bạch Đằng, xã Liên Xuân và tỉnh Quảng Ninh;

p) Thành lập phường Thủy Đường trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,03 km², quy mô dân số là 6.827 người của thị trấn Núi Đèo, toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,65 km², quy mô dân số là 15.074 người của xã Thủy Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,19 km², quy mô dân số là 15.730 người của xã Thủy Đường. Sau khi thành lập, phường Thủy Đường có diện tích tự nhiên là 9,87 km² và quy mô dân số là 37.631 người.

Phường Thủy Đường giáp các phường An Lư, Dương Quan, Hoa Động, Hòa Bình, Thiên Hương và Trần Hưng Đạo;

q) Thành lập phường Thủy Hà trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,11 km², quy mô dân số là 8.068 người của xã Trung Hà và toàn bộ diện tích tự nhiên là 18,99 km², quy mô dân số là 13.901 người của xã Thủy Triều sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này. Sau khi thành lập, phường Thủy Hà có diện tích tự nhiên là 23,10 km² và quy mô dân số là 21.969 người.

Phường Thủy Hà giáp các phường An Lư, Dương Quan, Hòa Bình, Lập Lễ, Phạm Ngũ Lão, xã Bạch Đằng; quận Hải An, quận Ngô Quyền và tỉnh Quảng Ninh;

r) Thành lập phường Nam Triệu Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,86 km², quy mô dân số là 8.002 người của xã Phục Lễ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,51 km², quy mô dân số là 8.712 người của xã Phả Lễ. Sau khi thành lập, phường Nam Triệu Giang có diện tích tự nhiên là 10,37 km² và quy mô dân số là 16.714 người.

Phường Nam Triệu Giang giáp các phường Lập Lễ, Phạm Ngũ Lão, Tam Hưng và tỉnh Quảng Ninh;

s) Thành lập xã Bạch Đằng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,64 km², quy mô dân số là 4.596 người của xã Gia Minh, toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,97 km², quy mô dân số là 6.481 người của xã Gia Đức và toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,32 km², quy mô dân số là 12.507 người của xã Minh Tân. Sau khi thành lập, xã Bạch Đằng có diện tích tự nhiên là 30,93 km² và quy mô dân số là 23.584 người.

Xã Bạch Đằng giáp các phường Minh Đức, Hòa Bình, Lưu Kiếm, Phạm Ngũ Lão, Thủy Hà và tỉnh Quảng Ninh;

t) Thành lập xã Liên Xuân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,94 km², quy mô dân số là 12.386 người của xã Liên Khê và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,54 km², quy mô dân số là 12.144 người của xã Lại Xuân. Sau khi thành lập, xã Liên Xuân có diện tích tự nhiên là 26,48 km² và quy mô dân số là 24.530 người.

Xã Liên Xuân giáp xã Ninh Sơn, xã Quang Trung, phường Lưu Kiếm, phường Trần Hưng Đạo; tỉnh Hải Dương và tỉnh Quảng Ninh;

u) Thành lập xã Ninh Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,42 km², quy mô dân số là 7.429 người của xã An Sơn, toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,31 km², quy mô dân số là 11.148 người của xã Kỳ Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,71 km², quy mô dân số là 7.039 người của xã Phù Ninh. Sau khi thành lập, xã Ninh Sơn có diện tích tự nhiên là 19,44 km² và quy mô dân số là 25.616 người.

Xã Ninh Sơn giáp xã Liên Xuân, xã Quang Trung, phường Quảng Thanh và tỉnh Hải Dương;

v) Thành lập xã Quang Trung trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,82 km², quy mô dân số là 9.638 người của xã Hợp Thành, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,58 km², quy mô dân số là 11.603 người của xã Cao Nhân và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,92 km², quy mô dân số là 11.233 người của xã Chính Mỹ. Sau khi thành lập, xã Quang Trung có diện tích tự nhiên là 18,32 km² và quy mô dân số là 32.474 người.

Xã Quang Trung giáp xã Liên Xuân, xã Ninh Sơn, các phường Lê Hồng Phong, Quảng Thanh, Trần Hưng Đạo; quận Hồng Bàng và tỉnh Hải Dương.

4. Sau khi sắp xếp, thành phố Thủy Nguyên có 21 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 17 phường: An Lữ, Dương Quan, Hoa Động, Hòa Bình, Hoàng Lâm, Lập Lễ, Lê Hồng Phong, Lưu Kiếm, Minh Đức, Nam Triệu Giang, Phạm Ngũ Lão, Quảng Thanh, Tam Hưng, Thiên Hương, Thủy Đường, Thủy Hà, Trần Hưng Đạo và 04 xã: Bạch Đằng, Liên Xuân, Ninh Sơn, Quang Trung.

Điều 2. Sắp xếp huyện An Dương, quận Hồng Bàng và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc; thành lập quận An Dương và các phường trực thuộc

1. Điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,56 km², quy mô dân số là 20.857 người của xã Đại Bản, toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,31 km², quy mô dân số là 15.381 người của xã An Hồng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,48 km², quy mô dân số là 15.287 người của xã An Hưng thuộc huyện An Dương để nhập vào quận Hồng Bàng. Sau khi điều chỉnh, quận Hồng Bàng có diện tích tự nhiên là 39,77 km² và quy mô dân số là 177.820 người; huyện An Dương có diện tích tự nhiên là 78,96 km² và quy mô dân số là 171.227 người.

2. Thành lập quận An Dương trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 78,96 km² và quy mô dân số là 171.227 người của huyện An Dương sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sắp xếp, thành lập các phường thuộc quận An Dương như sau:

a) Thành lập phường An Đồng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,95 km² và quy mô dân số là 25.331 người của xã An Đồng.

Phường An Đồng giáp các phường Đồng Thái, Lê Lợi, Nam Sơn và các quận Hồng Bàng, Kiến An, Lê Chân;

b) Thành lập phường An Hòa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,36 km² và quy mô dân số là 15.232 người của xã An Hòa.

Phường An Hòa giáp phường Hồng Phong, phường Lê Thiện; huyện An Lão và tỉnh Hải Dương;

c) Thành lập phường Đồng Thái trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,61 km² và quy mô dân số là 15.187 người của xã Đồng Thái.

Phường Đồng Thái giáp các phường An Đồng, An Hải, Hồng Thái, Lê Lợi, và quận Kiến An;

d) Thành lập phường Hồng Thái trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,09 km² và quy mô dân số là 15.253 người của xã Hồng Thái.

Phường Hồng Thái giáp phường An Hải, phường Đồng Thái; quận Kiến An và huyện An Lão;

đ) Thành lập phường Hồng Phong trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,59 km² và quy mô dân số là 15.318 người của xã Hồng Phong.

Phường Hồng Phong giáp các phường An Hòa, Lê Lợi, Lê Thiện, Nam Sơn, Tân Tiến và huyện An Lão;

e) Thành lập phường Lê Thiện trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,09 km² và quy mô dân số là 15.377 người của xã Lê Thiện.

Phường Lê Thiện giáp các phường An Hòa, Hồng Phong, Tân Tiến; quận Hồng Bàng và tỉnh Hải Dương;

g) Thành lập phường Lê Lợi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,10 km², quy mô dân số là 10.953 người của thị trấn An Dương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,51 km², quy mô dân số là 7.203 người của xã Lê Lợi. Sau khi thành lập, phường Lê Lợi có diện tích tự nhiên là 7,61 km² và quy mô dân số là 18.156 người.

Phường Lê Lợi giáp các phường An Đồng, An Hải, Đồng Thái, Hồng Phong, Nam Sơn và huyện An Lão;

h) Thành lập phường Nam Sơn trên cơ sở nhập một phần diện tích tự nhiên là 3,25 km², quy mô dân số là 5.583 người của xã Bắc Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,14 km², quy mô dân số là 11.791 người của xã Nam Sơn. Sau khi thành lập, phường Nam Sơn có diện tích tự nhiên là 7,39 km² và quy mô dân số là 17.374 người.

Phường Nam Sơn giáp các phường An Đông, Hồng Phong, Lê Lợi, Tân Tiến và quận Hồng Bàng;

i) Thành lập phường Tân Tiến trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,40 km², quy mô dân số là 4.023 người của xã Bắc Sơn sau khi điều chỉnh theo quy định tại điểm h khoản này và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,72 km², quy mô dân số là 11.815 người của xã Tân Tiến. Sau khi thành lập, phường Tân Tiến có diện tích tự nhiên là 6,12 km² và quy mô dân số là 15.838 người.

Phường Tân Tiến giáp các phường Hồng Phong, Nam Sơn, Lê Thiện và quận Hồng Bàng;

k) Thành lập phường An Hải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,10 km², quy mô dân số là 9.166 người của xã Đặng Cương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,06 km², quy mô dân số là 8.995 người của xã Quốc Tuấn. Sau khi thành lập, phường An Hải có diện tích tự nhiên là 12,16 km² và quy mô dân số là 18.161 người.

Phường An Hải giáp các phường Đông Thái, Hồng Thái, Lê Lợi và huyện An Lão.

4. Sắp xếp, thành lập các phường thuộc quận Hồng Bàng như sau:

a) Thành lập phường An Hồng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,31 km² và quy mô dân số là 15.381 người của xã An Hồng.

Phường An Hồng giáp các phường An Hưng, Đại Bản, Quán Toan và thành phố Thủy Nguyên;

b) Thành lập phường An Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,48 km² và quy mô dân số là 15.287 người của xã An Hưng.

Phường An Hưng giáp các phường An Hồng, Đại Bản, Quán Toan và quận An Dương;

c) Thành lập phường Đại Bản trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,56 km² và quy mô dân số là 20.857 người của xã Đại Bản.

Phường Đại Bản giáp phường An Hồng và phường An Hưng; thành phố Thủy Nguyên, quận An Dương và tỉnh Hải Dương;

d) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,05 km², quy mô dân số là 15.123 người của phường Hạ Lý và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,43 km², quy mô dân số là 12.047 người của phường Trại Chuối vào phường Thượng Lý. Sau khi nhập, phường Thượng Lý có diện tích tự nhiên là 2,98 km² và quy mô dân số là 47.646 người.

Phường Thượng Lý giáp các phường Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Phan Bội Châu, Sở Dầu; quận An Dương, quận Lê Chân và thành phố Thủy Nguyên.

5. Sau khi sắp xếp:

a) Quận An Dương có 10 phường, gồm: An Đồng, An Hải, An Hòa, Đồng Thái, Hồng Phong, Hồng Thái, Lê Lợi, Lê Thiện, Nam Sơn và Tân Tiến.

Quận An Dương giáp các quận Hồng Bàng, Kiến An, Lê Chân, huyện An Lão và tỉnh Hải Dương;

b) Quận Hồng Bàng có 10 phường, gồm: An Hồng, An Hưng, Đại Bản, Hoàng Văn Thụ, Hùng Vương, Minh Khai, Phan Bội Châu, Quán Toan, Sở Dầu và Thượng Lý.

Quận Hồng Bàng giáp các quận An Dương, Lê Chân, Ngô Quyền, thành phố Thủy Nguyên và tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng

1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Tiên Lãng như sau:

a) Thành lập xã Tân Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,18 km², quy mô dân số là 4.906 người của xã Toàn Thắng, toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,79 km², quy mô dân số là 6.931 người của xã Bạch Đằng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,11 km², quy mô dân số là 12.582 người của xã Quang Phục. Sau khi thành lập, xã Tân Minh có diện tích tự nhiên là 20,08 km² và quy mô dân số là 24.419 người.

Xã Tân Minh giáp các xã Đoàn Lập, Tiên Minh, Tiên Thắng, thị trấn Tiên Lãng; huyện Kiến Thụy và huyện An Lão;

b) Sau khi sắp xếp, huyện Tiên Lãng có 19 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 18 xã và 01 thị trấn.

2. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Vĩnh Bảo như sau:

a) Thành lập xã Vĩnh Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,14 km², quy mô dân số là 5.016 người của xã Vĩnh Long, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,58 km², quy mô dân số là 6.518 người của xã Hiệp Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,27 km², quy mô dân số là 8.808 người của xã An Hòa. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Hòa có diện tích tự nhiên là 15,99 km² và quy mô dân số là 20.342 người.

Xã Vĩnh Hòa giáp các xã Hùng Tiến, Tân Hưng, Thắng Thủy, Trung Lập, Vĩnh Hải và tỉnh Thái Bình;

b) Thành lập xã Vĩnh Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,17 km², quy mô dân số là 6.572 người của xã Nhân Hòa, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,35 km², quy mô dân số là 5.648 người của xã Tam Đa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,25 km², quy mô dân số là 8.897 người của xã Vĩnh Quang. Sau

khi thành lập, xã Vĩnh Hưng có diện tích tự nhiên là 15,77 km² và quy mô dân số là 21.117 người.

Xã Vĩnh Hưng giáp các xã Liên Am, Tân Hưng, Tân Liên, Vĩnh Hải, thị trấn Vĩnh Bảo và huyện Tiên Lãng;

c) Thành lập xã Vĩnh Hải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,20 km², quy mô dân số là 4.313 người của xã Hưng Nhân, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,04 km², quy mô dân số là 5.180 người của xã Thanh Lương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,44 km², quy mô dân số là 8.324 người của xã Đồng Minh. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Hải có diện tích tự nhiên là 15,68 km² và quy mô dân số là 17.817 người.

Xã Vĩnh Hải giáp các xã Liên Am, Tân Hưng, Tiền Phong, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hưng và tỉnh Thái Bình;

d) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,13 km², quy mô dân số là 4.155 người của xã Vĩnh Phong và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,60 km², quy mô dân số là 8.188 người của xã Cộng Hiền vào xã Tiền Phong. Sau khi nhập, xã Tiền Phong có diện tích tự nhiên là 16,53 km² và quy mô dân số là 19.722 người.

Xã Tiền Phong giáp các xã Cao Minh, Liên Am, Vĩnh Hải và tỉnh Thái Bình;

đ) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,41 km², quy mô dân số là 5.597 người của xã Cổ Am và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,41 km², quy mô dân số là 4.541 người của xã Vĩnh Tiến vào xã Tam Cường. Sau khi nhập, xã Tam Cường có diện tích tự nhiên là 13,10 km² và quy mô dân số là 18.473 người.

Xã Tam Cường giáp các xã Cao Minh, Hòa Bình, Lý Học, Trấn Dương và tỉnh Thái Bình;

e) Sau khi sắp xếp, huyện Vĩnh Bảo có 20 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 19 xã và 01 thị trấn.

3. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Kiến Thụy như sau:

a) Thành lập xã Kiến Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,94 km², quy mô dân số là 8.287 người của xã Đại Hà, toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,15 km², quy mô dân số là 6.107 người của xã Thụy Hương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,65 km², quy mô dân số là 9.436 người của xã Ngũ Đoan. Sau khi thành lập, xã Kiến Hưng có diện tích tự nhiên là 13,74 km² và quy mô dân số là 23.830 người.

Xã Kiến Hưng giáp các xã Du Lễ, Đoàn Xá, Hữu Bằng, Kiến Quốc, Minh Tân, Tân Phong, Tân Trào, Thanh Sơn và Thuận Thiên;

b) Sau khi sắp xếp, huyện Kiến Thụy có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 15 xã và 01 thị trấn.

4. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc quận Ngô Quyền như sau:

a) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,26 km², quy mô dân số là 10.565 người của phường Đồng Quốc Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,24 km², quy mô dân số là 11.238 người của phường Lê Lợi vào phường Lạch Tray. Sau khi nhập, phường Lạch Tray có diện tích tự nhiên là 1,16 km² và quy mô dân số là 32.945 người.

Phường Lạch Tray giáp các phường Cầu Đất, Đằng Giang, Gia Viên và quận Lê Chân;

b) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,36 km², quy mô dân số là 12.355 người của phường Lạc Viên và toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,47 km², quy mô dân số là 14.361 người của phường Máy Tơ vào phường Gia Viên. Sau khi nhập, phường Gia Viên có diện tích tự nhiên là 2,09 km² và quy mô dân số là 38.873 người.

Phường Gia Viên giáp các phường Cầu Đất, Cầu Tre, Đằng Giang, Đông Khê, Lạch Tray, Máy Chai; quận Hồng Bàng và thành phố Thủy Nguyên;

c) Sau khi sắp xếp, quận Ngô Quyền có 08 phường.

5. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc quận Lê Chân như sau:

a) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,50 km², quy mô dân số là 14.837 người của phường Lam Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,32 km², quy mô dân số là 11.285 người của phường Cát Dài vào phường An Biên. Sau khi nhập, phường An Biên có diện tích tự nhiên là 1,13 km² và quy mô dân số là 40.440 người.

Phường An Biên giáp các phường An Dương, Hàng Kênh, Trần Nguyên Hãn; các quận An Dương, Hồng Bàng, Kiến An và Ngô Quyền;

b) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,34 km², quy mô dân số là 16.620 người của phường Hồ Nam và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,27 km², quy mô dân số là 13.812 người của phường Dư Hàng vào phường Trần Nguyên Hãn. Sau khi nhập, phường Trần Nguyên Hãn có diện tích tự nhiên là 0,90 km² và quy mô dân số là 44.142 người.

Phường Trần Nguyên Hãn giáp các phường An Biên, An Dương, Dư Hàng Kênh và Hàng Kênh;

c) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,30 km², quy mô dân số là 12.154 người của phường Trại Cau và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,42 km², quy mô dân số là 14.260 người của phường Đông Hải vào phường Hàng Kênh. Sau khi nhập, phường Hàng Kênh có diện tích tự nhiên là 1,10 km² và quy mô dân số là 43.650 người.

Phường Hàng Kênh giáp các phường An Biên, Dư Hàng Kênh, Kênh Dương, Trần Nguyên Hãn và quận Ngô Quyền;

d) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,54 km², quy mô dân số là 17.948 người của phường Niệm Nghĩa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,56 km², quy mô dân số là 18.439 người của phường Nghĩa Xá vào phường An Dương. Sau khi

nhập, phường An Dương có diện tích tự nhiên là 1,31 km² và quy mô dân số là 47.966 người.

Phường An Dương giáp các phường An Biên, Dư Hàng Kênh, Trần Nguyên Hãn, Vĩnh Niệm và quận Kiến An.

e) Sau khi sắp xếp, quận Lê Chân có 07 phường.

6. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc quận Kiến An như sau:

a) Thành lập phường Bắc Hà trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,56 km², quy mô dân số là 9.679 người của phường Phù Liễn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,82 km², quy mô dân số là 10.166 người của phường Tràng Minh. Sau khi thành lập, phường Bắc Hà có diện tích tự nhiên là 7,38 km² và quy mô dân số là 19.845 người.

Phường Bắc Hà giáp các phường Ngọc Sơn, Trần Thành Ngọ, Văn Đâu; huyện An Lão và huyện Kiến Thụy;

b) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,47 km², quy mô dân số là 9.622 người của phường Quán Trữ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,87 km², quy mô dân số là 13.680 người của phường Lãm Hà vào phường Đồng Hòa. Sau khi nhập, phường Đồng Hòa có diện tích tự nhiên là 6,88 km² và quy mô dân số là 34.581 người.

Phường Đồng Hòa giáp phường Bắc Sơn, phường Nam Sơn và các quận An Dương, Dương Kinh, Lê Chân;

c) Sau khi sắp xếp, quận Kiến An có 07 phường.

Điều 4. Thành lập Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện của thành phố Hải Phòng

1. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên trên cơ sở kế thừa Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Thành lập Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên trên cơ sở kế thừa Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Thành lập Tòa án nhân dân quận An Dương trên cơ sở kế thừa Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Thành lập Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương trên cơ sở kế thừa Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thành phố Hải Phòng có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 08 quận, 06 huyện và 01 thành phố; 167 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 79 phường, 07 thị trấn và 81 xã.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, kiện toàn bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

2. Chính phủ chỉ đạo các Bộ có liên quan và chính quyền thành phố Hải Phòng tiếp tục nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp phù hợp đối với các đơn vị hành chính thuộc diện phải sắp xếp mà chưa thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025, xác định lộ trình hoàn thiện các tiêu chuẩn, điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện sắp xếp trong những năm tiếp theo theo đúng quy định.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết thuộc trách nhiệm quản lý; sắp xếp tổ chức bộ máy, quyết định biên chế, số lượng Thẩm phán, Kiểm sát viên, công chức khác, người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. *b*

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại phiên họp ngày 24 tháng 10 năm 2024.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tổng cục Thống kê;
- Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HC, PL.
- e-PAS: 99348

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn